

VẤN ĐỀ PHI NHÂN CÁCH HOÁ TUỔI VỊ THÀNH NIÊN VÀ ĐẶC TRƯNG GIÁO DỤC GIA ĐÌNH(*)

ĐỖ LONG*

Chúng ta thường bàn tới con người, cá nhân, nhân tính, cá tính, cũng là để đi tới một mục đích chung của sự nghiệp giáo dục: *hình thành nhân cách con người* với 2 thành tố cơ bản là phẩm chất và năng lực. Những công dân của chúng ta - thông qua quá trình giáo dục từ phía nhà trường, gia đình và xã hội - *phải được nhân cách hoá*. Tức là học sinh phải được đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện và tự rèn luyện để hình thành được giá trị cao đẹp, có lý tưởng trong sáng, có niềm tin sâu sắc, có ý chí mãnh liệt, có tri thức và tay nghề vững vàng, tóm lại là làm cho học sinh *trở thành người và biết làm người* để có cơ sở tự khẳng định chính mình. Thắng lợi vĩ đại của sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, thành công to lớn của mỗi lĩnh vực hoạt động và thành tựu đáng kể của nhân dân ta trong những thập kỷ qua đã nói lên chất lượng của sự nghiệp giáo dục của xã hội ta.

Nhưng có một nghịch lý thường xuất hiện như một hiện tượng mang tính quy luật là *cùng với quá trình nhân cách hoá thì cũng xuất hiện quá trình phi nhân cách hoá ở tuổi vị thành niên*.

Theo số liệu thống kê mới nhất vào tháng 5 năm 2004 tại 4 trường Giáo dưỡng số 2, số 3, số 4, số 5 do Bộ Công An quản lý thì:

- Số lượng trẻ vị thành niên phạm pháp đã lên tới 3.448 em, trong đó có 1.666 em từ nông thôn, 1.782 em từ thành phố, thị trấn, thị xã;

- Với các tuổi 12 - 14: 480 em; từ 14 - 16: 1.546 em; từ 16 - 18: 1.422 em.

- Trình độ học vấn của các em rất thấp - mù chữ: 20 em; lớp 1 - 5: 1.319 em; lớp 6 - 9: 1.565 em; lớp 10 - 12: 363 em.

- Hành vi phạm tội do các em gây ra: ma tuý: 145 em; trộm cắp: 2.112 em; gây rối trật tự công cộng: 765 em; cố ý gây thương tích: 124 em; hiếp dâm: 69 em; giết người: 12 em; cướp giật: 54

* Tham luận tại Hội thảo "Chất lượng giáo dục" do Trung ương Hội các khoa học Tâm lý - giáo dục Việt Nam tổ chức tại Hải Phòng tháng 6 - 2004.

*GS.TS, Viện trưởng Viện Tâm lý học.

em; cưỡng đoạt: 79 em; lừa đảo: 48 em; các hành vi khác: 40 em.

Hiện chúng tôi chưa có các số liệu:

- Bao nhiêu trẻ em ở độ tuổi đến trường mà không được đi học.

- Bao nhiêu trẻ em phải lao động cả ngày để kiếm sống.

- Bao nhiêu trẻ em lang thang hoặc phải làm những công việc nặng nhọc, nguy hiểm, độc hại.

- Bao nhiêu trẻ em mồ côi hoặc mẹ, hoặc cha, hoặc cả cha lẫn mẹ.

- Bao nhiêu trẻ em bị buôn bán.

- Bao nhiêu em gái bị bóc lột tình dục.

- Bao nhiêu trẻ em mang bệnh HIV - AIDS - trong số này bao nhiêu em đã chết.

- Bao nhiêu trẻ em bị tật nguyền do chiến tranh để lại.

- Bao nhiêu em phải mang theo suốt cuộc đời những "vết bầm tâm lý do bố mẹ ly hôn".

- Bao nhiêu trẻ em phải chịu cảnh tảo hôn, v.v...

Quá trình phi nhân cách hoá con người ở nước ta cũng như ở nhiều nước thường gắn liền với các hiện tượng tiêu cực phi nhân tính đau lòng này.

*

* *

Những nghiên cứu của chúng ta về những hành vi lệch chuẩn nói riêng và phi nhân cách hoá nói chung ở trẻ vị thành niên còn quá ít ỏi và mới chỉ đáp ứng được một phần rất nhỏ những yêu

cầu và đòi hỏi của công tác cải tạo trẻ vị thành niên phạm pháp, hoặc vi phạm các chuẩn mực của xã hội. Những kết quả nghiên cứu được đăng tải trên tạp chí "Tâm lý học" mới bước đầu đề cập tới một số vấn đề như nhân cách trẻ nghiện ma tuý, nhân cách gái mại dâm, những tổn thương tâm lý thiếu niên do bố mẹ ly hôn, cách ứng phó của trẻ vị thành niên trong những hoàn cảnh khó khăn...

Nhận định về đặc điểm nhân cách và hoàn cảnh xã hội của thanh niên nghiện ma tuý và mối tương quan của chúng, TS. Phan Thị Mai Hương cho rằng: Về mặt trí tuệ đối tượng này có nhu cầu cấp tiến, ham muốn thử nghiệm cái mới. Về ý chí - tình cảm họ thường lo hãi trong trạng thái trầm cảm, bất an, căng thẳng. Về quan hệ liên nhân cách, họ luôn phụ thuộc vào nhóm, dựa theo ý kiến của nhóm, sẵn sàng hưởng ứng mọi sự kiện, mọi ý kiến của nhóm. Về mặt xã hội, nhóm người này có vị thế xã hội thấp, thường gặp thất bại trong cuộc sống, thiếu sự hiểu biết và cảm thông từ phía gia đình, nhưng lại được sự đồng tình và ủng hộ từ phía nhóm bạn. Quan hệ gia đình của họ thường lỏng lẻo, không bền vững. Mức độ nghiện ngập càng cao thì sự biểu hiện những đặc điểm nêu trên càng lớn ⁽¹⁾.

Nghiên cứu "*Những tổn thương tâm lý thiếu niên do bố mẹ ly hôn*", TS. Văn Thị Kim Cúc và cộng sự nhận định: tổn thương về nhận thức và tình cảm ở số trẻ em này rất đa dạng dưới nhiều hình thức như lo hãi, mất lòng tin, quan niệm lệch lạc về người bố, người mẹ, về giá trị của gia đình. Các em thường đánh giá thấp về "*cái tôi*" của chính mình, nhưng lại thường tự đánh giá cao

sức mạnh thể chất của bản thân để bù trừ cho những thiếu hụt nào đó. Các em thích chơi bời với các bạn ngỗ ngáo, ngỗ ngược, hay gây gổ, thường trốn qua đêm, bỏ giờ lên lớp và khi phải ứng phó với hoàn cảnh khó khăn thì tỏ ra tiêu cực..."⁽²⁾.

Đề tài "*Đặc điểm nhân cách gái mại dâm và định hướng giáo dục*" được TS. Lê Thị Hà nghiên cứu trên một diện rộng và kết luận được tác giả rút ra là: tình cảm của gái mại dâm thường bất ổn, dễ nổi nóng, mất cân bằng, dễ dao động, nhiều nỗi lo. Bên ngoài họ tỏ ra cứng rắn, thờ ơ, phớt lờ, trơ trẽn, nhưng lại hay xúc động, dễ bị tổn thương. Trong nhóm nhỏ họ thường cả tin, thụ động, chịu nhân nhượng, dễ bị phụ thuộc vào người khác, thiếu tính quyết đoán, không dám tự quyết định, cam chịu trước áp lực nhóm nên dễ bị sa ngã. Họ vừa không tôn trọng bản thân, lại vừa bất chấp tất cả, trơ tráo, thích ăn chơi, thích đua đòi, lười lao động. Họ không xác định được mục tiêu, lý tưởng sống, mất niềm tin vào cuộc sống, chạy theo giá trị vật chất tầm thường, thích phê phán, nhưng lại hay biện bạch. Bộc trực, cứng rắn nhưng lại yếu đuối, dễ xúc động. Nhìn chung, họ là một kiểu người đặc biệt, đúng hơn là thấp kém về nhân cách⁽³⁾.

"*Cách ứng phó của trẻ vị thành niên trong những hoàn cảnh khó khăn*" - do TS. Phan Thị Mai Hương và các bạn đồng nghiệp nghiên cứu - đã nêu ra một số nhận định: ở trẻ vị thành niên có những cách ứng phó mang tính ổn định và được sử dụng như nhau trong nhiều tình huống khác nhau với xu hướng hoặc chấp nhận hoặc phủ nhận thực tế. Ứng phó bằng hành động được sử dụng

nhều hơn so với ứng phó trong suy nghĩ, trong tình cảm. Hoàn cảnh sống, lứa tuổi và giới tính đều có ảnh hưởng và chi phối đến cách thức ứng phó của trẻ. Và cuối cùng là đặc điểm nhân cách của từng trẻ cũng có tác dụng lớn trong việc thể hiện cách ứng phó này hay cách ứng phó khác. Nếu có chỗ dựa được xây dựng vững chắc, có niềm tin vào ngày mai, vào khả năng nhận thức của bản thân, có cái nhìn tích cực đối với cuộc sống, có mục đích và lý tưởng sống cao đẹp thì trẻ sẽ có cách ứng phó tích cực để vươn lên⁽⁴⁾.

*

* *

Sự nghiệp giáo dục của chúng ta chỉ có thể có chất lượng cao, khi nó được tiến hành trên cơ sở kết hợp một cách hài hòa và nhuần nhuyễn giữa giáo dục nhà trường, giáo dục gia đình và giáo dục xã hội. Tuy nhiên, để thúc đẩy nhanh quá trình nhân cách hoá con người và khắc phục tình trạng phi nhân cách hoá ở tuổi vị thành niên, chúng ta *phải đặc biệt chú ý tới giáo dục từ phía gia đình*. Trẻ em hư, khó giáo dục, có hành vi lệch chuẩn, đi ngược lại, thậm chí chống đối lại những quy tắc, những nguyên tắc sống, những chuẩn mực làm việc của cộng đồng, của xã hội... thường bắt nguồn từ tình trạng yếu kém của giáo dục gia đình.

Đặc trưng của những tác động từ phía gia đình thể hiện ở chỗ nó có ảnh hưởng một cách thường xuyên, liên tục tới mọi thành viên ở khía cạnh tích cực nhất, cũng như ở khía cạnh tiêu cực nhất. Trẻ em từ khi lọt lòng đến lúc trưởng thành nếu được tiếp thụ một nền giáo dục tốt sẽ sớm đi theo chiều hướng

tích cực. Trái lại, nếu trẻ được tiếp nhận một sự ảnh hưởng không tốt, không có chủ đích, không có kế hoạch, thiếu kiến thức và phương pháp khoa học thì sớm muộn sẽ nảy sinh những hiện tượng tiêu cực. Chiến lược giáo dục gia đình phải được xác định rõ và phải được chuẩn bị sớm để những cặp vợ chồng sau khi thành hôn, chuẩn bị làm cha, làm mẹ phải được học để có những tri thức, những phương pháp cần thiết về các mối quan hệ trong gia đình, về cách ứng xử trong nhiều tình huống, trong nhiều hoàn cảnh khác nhau.

Từ đặc trưng có tính phổ biến vừa nêu trên có thể nêu lên một vài biểu hiện cụ thể qua thực tiễn tác động từ phía gia đình đến các thành viên.

1. Tác động giáo dục của gia đình *diễn ra thường xuyên, liên tục*. Sự tác động đó không thể quy định trước về thời gian cụ thể và xác định: Khi nào thuyết giảng về đạo đức, lúc nào nói về lối sống, thời điểm nào nói về kỹ thuật và kỹ năng làm việc... Tất cả những gì xảy ra trong lối sống, trong nếp sống của mỗi gia đình đều có ý nghĩa giáo dục từ cách ăn ở có gọn gàng, ngăn nắp không đến cách cư xử giữa các thành viên trong gia đình có tôn trọng lẫn nhau không, từ một câu nói vui, nói đùa đến sự khen chê, cách thức bình phẩm, đánh giá... Tất cả đều có ảnh hưởng đến chiều hướng phát triển của trẻ. Có rất nhiều vấn đề mà nhiều người tưởng như không có tác động gì đối với việc giáo dục nhân cách, nhưng nó lại có ý nghĩa rất lớn đến việc tạo lập giá trị, niềm tin, lý tưởng, tư cách... của trẻ.

2. Tác động giáo dục của gia đình chủ yếu *diễn ra theo cơ chế bất*

chước, đồng nhất từ phía trẻ thơ theo những tấm gương của người lớn mà trẻ có thể học tập. Sự bất chước và đồng nhất của trẻ theo hình mẫu người lớn chỉ có thể diễn biến theo chiều hướng tích cực khi những lời dạy bảo của các bậc cha anh thực sự thống nhất với cách ứng xử và hành động của họ. Cha khuyên con phải thực thà, trong sạch, nhưng ông ta lại ăn cắp của công, tham nhũng, nhận hối lộ thì sự thuyết giáo đạo đức của ông ta chẳng có ý nghĩa gì. Thậm chí ông ta giấu kín hành vi tham nhũng của mình, nhưng trong đời sống gia đình thì cái tốt nhất, cũng như cái xấu nhất bao giờ cũng bộc lộ một cách trần trụi, nguyên hình với tất cả bản chất sâu xa nhất của nó. Và ở đời, bất chước cái tốt thì khó, còn bất chước cái xấu thì dễ.

3. Tác động của giáo dục gia đình *phải dựa trên cơ sở tình cảm - tình cảm là sắc thái đặc trưng của đời sống gia đình - dựa trên sự hiểu biết rất rõ về nhau* và quan tâm đến nhau của mọi thành viên trong gia đình. Trong một cuộc thăm dò bằng phiếu với 200 học sinh lớp 9, 10 ở Hà Nội, 80% các em ước mong gia đình hoà thuận, yên ấm; 46% mong ước mọi người trong gia đình yêu thương nhau, đùm bọc, cảm thông, chia sẻ, hiểu biết tâm tư, nguyện vọng của nhau. Các em còn ước muốn cha mình cần hiểu con cái, trò chuyện tâm tình, nhẹ nhàng khuyên bảo con cái, cha là trụ cột, là chỗ dựa của cả nhà, cha cần quan tâm hơn đến mẹ. Đó là về mặt tình cảm⁽⁵⁾. Còn về mặt nhận thức, mỗi thành viên trong gia đình cần tự xác định để tiến tới ai ai cũng tự ý thức rõ về phẩm giá, về nhân cách của

(Xem tiếp trang 23)

2 nhóm ở phần chủ đề (bức tranh 3 BM và 7 BM) không trùng hợp với sự khác nhau ở phần nhu cầu (bức tranh 13 MF). Hay nói cách khác, sự kiện hiện tại không làm thay đổi sự phản ánh cấu trúc cơ bản nhân cách của nghiệm thể lên T.A.T.

Tóm lại, qua sự phân tích cơ cấu, sự phân bố các chủ đề và các nhu cầu được phản ánh thông qua T.A.T của nhóm nam SKHT và nhóm nam HSBT thì có thể nói rằng: Các sự kiện hiện tại không chi phối cấu trúc cơ bản của nhân cách; mặc dầu SKHT có chi phối một số câu chuyện T.A.T. Các đặc điểm cơ bản của nhân cách vẫn được giữ nguyên khi phản ánh qua T.A.T, nếu ngay trước khi làm T.A.T, nghiệm thể có xem câu chuyện tranh.♣

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc Văn Giáo Khoa Thư. *Tăng Tử làm thị lợn*. NXB Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh, 2001.
2. Bellak, L. *The concept of projection. An experimental investigation and study of the concept*. Psychiatry 4, 1944, pp. 353-370.
3. Coleman, W. *The Thematic Apperception Test, I. Effect of recent experience, II. Some quantitative observation*, J. Clin. Psychol., 3, 1947, pp. 257-264.
4. Gilbert, G.M. *The Nuremberg Diary*. New York, Prentice-Hall, 1947.

VẤN ĐỀ PHI NHÂN CÁCH...

(Tiếp theo trang 7)

một người làm cha, làm mẹ, làm con trai, làm con gái, làm anh, làm chị, làm vợ, làm chồng. Đó cũng chính là một yếu tố nâng cao chất lượng giáo dục nhằm thúc đẩy nhanh quá trình nhân cách hoá và khắc phục dần tình trạng phi nhân cách hoá trẻ vị thành niên ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.♣

Chú thích

1. Phan Thị Mai Hương. *Phác thảo một số chân dung nhân cách thanh niên nghiệm mã túy*. Tạp chí "Tâm lý học" Số 2/2000, trang 40.
2. Văn Thị Kim Cúc. *Viện Tâm lý học - 15 năm xây dựng và phát triển*. NXB KHXH, Hà Nội, 2004.

3. Lê Thị Hà. *Đặc điểm nhân cách gái mại dâm và định hướng giáo dục*. Luận án tiến sỹ đã bảo vệ thành công năm 2003.

4. Phan Thị Mai Hương. *Viện Tâm lý học - 15 năm xây dựng và phát triển*. NXB KHXH, Hà Nội, 2004, trang 46-47.

5. Nguyễn Đức Thạc. *Góp phần nhận diện hình mẫu người cha trong gia đình Việt Nam hôm nay*. Tạp chí "Tâm lý học" Số 6/2004, trang 32.

RA QUYẾT ĐỊNH...

(Tiếp theo trang 10)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cartwright, D. (1968). The nature of group cohesiveness. In D. Cartwright & A. Zander (Eds). *Group dynamics: Research and Theory* (Third edition). New York: Harper & Row.
2. Cartwright, D. & Zander, A. (1968, Eds.). *Group Dynamics: Research & Theory* (Third Edition). New York: Harper & Row.
3. French, J. R. P. Jr. & Raven, B. A. (1959) The bases of social power. In Cartwright, D. (Ed.). *Studies in Social Power*. Ann Arbor: University of Michigan Press.
4. Janis, I. L. (1972). *Victims of Groupthink*. Boston: Houghton Mifflin.
5. Kelman, H. C. (1965). *International Behavior*. New York: Holt, Rinehart, & Winston.
6. Lawler, E. J. & Thompson, M. E. (1978). Impact on leader responsibility for inequity on subordinate revolts. *Social Psychology*, 41, 264 - 268.
7. Longley, J. & Pruitt, D. J. Groupthink: A critique of Janis's theory. In L. Wheeler (Ed.). *Review of Personality and Social Psychology*. (Vol. 1). Beverly Hills, Ca.: Sage Press.
8. Mc Donough, G. R. (1986). *An investigation of the effects of moral judgment level and leadership style on effective decision making*. Masters thesis: Purdue University.
9. Myers, D. G. & Bishop, G. D. Discussion effects on racial attitudes. *Science*, 169, 778-789.
10. Myers, D. G. & Bishop, G. D. (1971). Enhancement of dominant attitudes in group discussion. *Journal of Personality and Social Psychology*, 20, 386- 391.
11. Myers, D. G. & Lamm, H. (1976). The group polarization phenomenon. *Psychological Bulletin*, 83, 602- 627.
12. Posakoff, P. M. & Schriesheim, C. A. (1985). Field studies of French & Ravens bases of power. Critique, reanalysis, and suggestions for future research. *Psychological Bulletin*, 97, 387- 441.
13. Steiner, I. D. (1972). *Group Process and Productivity*. New York : Academic Press.